TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số 77/2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2017
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và Ông Lê Đức Nghiêm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trọng Bính – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Xuân Đ; sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Trung Khánh, xã Trung Lễ, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thúy H; sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H kết hôn với nhau vào ngày 13/4/2007 có T ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn X, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống ở nhà bố mẹ chồng tại thôn Trung Khánh, xã Trung Lễ, huyện X. Vợ chồng sống hoà thuận được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, quan điểm sống khác nhau,

không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm không còn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2015 đến nay. Anh Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Lê Hải T, sinh ngày 15/12/2007. Khi vợ chồng còn sống chung thì cùng nuôi dưỡng con, từ khi vợ chồng sống ly thân chị H trực tiếp nuôi dưỡng con. Nay vợ chồng ly hôn anh Đ xin được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng có một thửa đất ở số 03, bản đồ QH Thú Y tại tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện X, diện tích 130m^2 đã được cấp GCNQSD đất số BA 741648 ngày 20/10/2010 mang tên Lê Thị Thúy H và Trần Xuân Đ. Anh Đ nhất trí với kết quả thẩm định giá đối với thửa đất là 450.000.000 đồng tại Chứng thư thẩm định giá số 1711030/CTTĐG-VVI Ngày 09/11/2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định Việt Nam. Anh Đ có nguyện vọng giao đất cho chị H sở hữu, sử dụng và hoàn trả lại cho anh Đ số tiền 225.000.000 đồng tương đương giá trị phần tài sản anh được hưởng.

Quá trình chung sống vợ chồng không có khoản vay nợ tài sản của tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H thống nhất như lời trình bày ở trên của anh Đ và xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Lê Thị Thúy H thống nhất như lời trình bày ở trên của anh Đ. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị H xin được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.350.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Thúy H thống nhất như lời trình bày ở trên của anh Đ về tài sản và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng kết quả thẩm định giá trị thửa đất 450.000.000 đồng là qúa cao nên chị không đồng ý nhưng tại phiên tòa chị thống nhất với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 1711030/CTTĐG-VVI Ngày 09/11/2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định Việt Nam. Chị H có nguyện vọng giao đất cho anh Đ sở hữu, sử dụng và anh Đ hoàn trả phần giá trị tài sản chị được hưởng là 225.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 01/12/2017 chị H vắng mặt không có lý do là không chấp hành pháp luật nên cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 1, Khoản 3 Điều 81,

Khoản 1, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Hải T, sinh ngày 15/12/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Trần Xuân Đ chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.350.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Chia cho anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H mỗi người được sở hữu ½ thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20.

Vợ chồng xác định không vay nợ nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Đ và Chị Lê Thị Thúy H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có T ký kết hôn vào ngày 13/4/2007 tại UBND thị trấn X, huyện X nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính cách không hợp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà đôi bên thoả thuận ly hôn. Xét việc anh chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, đúng pháp luật và mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho anh Đ chị H ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Lê Hải T, sinh ngày 15/12/2007. Hiện tại con đang ở với chị Lê Thị Thúy H. Tại phiên toà anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho con. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/9/2017 cháu Trần Lê Hải T có nguyện vọng được ở với chị H nên cần giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi vợ chồng ly hôn chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy cháu T hiện nay đã được 10 tuổi, là độ tuổi phát triển mạnh cả về thể chất, tinh thần, có nhiều nhu cầu về cuộc sống và học tập phải được đáp ứng để đảm bảo cho cháu phát triển tốt, trong khi đó anh Đ có việc làm, thu nhập trung bình mỗi tháng 5 triệu đồng nên mức cấp dưỡng anh Đ chấp nhận 800.000 đồng là quá thấp, đồng thời với mức thu nhập hiện tại của anh Đ như trên thì

chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.350.000 đồng cũng quá cao; HĐXX xác định mức cấp dưỡng anh Đ phải thực hiện với số tiền 1.100.000 đồng/1 tháng với phương thức cấp dưỡng theo tháng là hợp lý.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Đ và chị H thống nhất khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20 tại tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện X với diện tích là 130m^2 đã có giấy CNQSD đất mang tên chị Lê Thị Thúy H và anh Trần Xuân Đ nhưng không thống nhất cách phân chia.

Căn cứ vào kết quả thẩm định tại chổ theo Biên bản thẩm định ngày 31/10/2017 và hồ sơ thửa đất, xác định thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20 có diện tích là 130m^2, ranh giới như sau:

- Phía Nam giáp Đ QH rộng 6m có chiều dài 6,50m.

- Phía Bắc giáp mương thoát nước rộng 1m có chiều dài 6,50m.

- Phía Đông giáp hộ ông Trần Ngọc Tài có chiều dài 20m.

- Phía Tây giáp đất hộ bà Nguyễn Thị Bích Thanh có chiều dài 20m.

Theo kết qủa thẩm định giá đất tại Chứng thư thẩm định giá số 1711030/CTTĐG-VVI Ngày 09/11/2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định Việt Nam và các phụ lục kèm theo thể hiện 130m^2 đất ở tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20 có giá trị quyền sử dụng đất là 450.000.000 đồng. Sau khi nhận được thông báo kết quả Thẩm định giá, anh Đ thống nhất với kết quả định giá nhưng chi H không nhất trí và cho rằng giá trị đất do Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định Việt Nam đưa ra là quá cao nhưng tại phiên tòa chị H nhất trí giá trị đất là 450.000.000 đồng. Xét thấy Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục tiến hành thẩm định giá đảm bảo đúng theo quy định pháp luật, mức giá đất ở tại tổ dân phố 5, thị trấn X được xác định như trên là khách quan và phù hợp với mức giá đất thực tế trên thị trường tại địa bàn và các đương sự thống nhất nên cần chấp nhận.

Xét thấy anh Đ và chị H được quyền sử dụng thửa đất số 03 là do vợ chồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác bằng số tiền của vợ chồng, anh chị thống nhất kỷ phần mỗi người được hưởng là ngang nhau nên xác định mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản là phù hợp.Tuy nhiên, anh chị đều có nguyện vọng được sở hữu tài sản bằng giá trị mà không nhận bằng hiện vật. Xét thấy, chị H là phụ nữ phải trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn việc tạo nhập để trả một khoản tiền lớn gặp nhiều khăn nên cần giao cho anh Đ được sở hữu tài sản bằng hiện vật và anh Đ phải hoàn trả cho chị H số tiền 225.000.000 đồng tương đương phần tài sản chị H được sở hữu là hợp lý.

Trên thửa đất số 03 tờ bản đố số 20 có một giếng nước đã cũ không còn giá trị sử dụng nên không định giá tài sản và không xem xét phân chia.

Vợ chồng xác định không vay nợ ai nên Tòa không xem xét.

[4]. Chi phí xem xét thẩm định tại chổ, thẩm định giá tài sản:

Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ là 600.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 2.400.000 đồng, anh Đ đã tạm nộp đủ số tiền chi phí là 3.000.000

đồng. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 157 và Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, anh Đ và chị H mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định giá tài sản. Các khoản chi phí trên được trừ vào tiền tạm ứng anh Đ đã nộp, chị H phải trả lại cho anh Đ số tiền 1.200.000 đồng.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điểm c Khoản 2 Điều 62, Khoản 1, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 24, Điểm a, Điểm b Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Lê Hải T, sinh ngày 15/12/2007 cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Xuân Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/11/2017 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Xuân Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Chia cho anh Trần Xuân Đ được quyền sử dụng diện tích 130m^2 đất ở tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20 bản đồ QH Thú Y tại tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện ĐứcThọ, tỉnh Hà Tĩnh, có ranh giới như sau:

- Phía Nam giáp Đ QH rộng 6m có chiều dài 6,50m.

- Phía Bắc giáp mương thoát nước có chiều dài 6,50m.

- Phía Đông giáp hộ ông Trần Ngọc Tài có chiều dài 20m.

- Phía Tây giáp đất hộ bà Nguyễn Thị Bích Thanh có chiều dài 20m.

Thửa đất anh Trần Xuân Đ được chia trị giá 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Anh Trần Xuân Đ phải hoàn trả cho chị Lê Thị Thúy H số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) giá trị chênh lệch tài sản chị H được hưởng. Chị H phải hoàn trả cho anh Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 741648 cấp ngày 20/10/2010 mang tên Lê Thị Thúy H và Trần Xuân Đ hiện nay chị H đang lưu giữ. Diện tích và vị trí đất ở anh Đ được chia có sơ đồ minh họa kèm theo bán án.

4.Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Trần Xuân Đ phải nộp 300.000 ngàn đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp

dưỡng nuôi con và 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản. Anh Đ được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 003383 ngày 04/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

Chị Lê Thị Thúy H phải nộp 11.250.000 đồng (Mười một tiệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Anh Trần Xuân Đ phải nộp 600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và 1.200.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản. Chị Lê Thị Thúy H phải nộp 1.200.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản. Các khoản chi phí trên được trừ vào tiền 3.000.000 đồng tạm ứng anh Đ đã nộp. Chị Lê Thị Thúy H phải hoàn trả lại cho anh Trần Xuân Đ số tiền 1.200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Xuân Đ và chị Lê Thị Thúy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS X;
- Chi cục THADS X;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Lễ;
- UBND TT X;
- Lưu hồ sơ, Văn thư.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Huy Trọng